

Số: /BC-UBND

Thái Bình, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả cải cách hành chính Quý III,
nhiệm vụ trọng tâm Quý IV năm 2022

Thực hiện Văn bản số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ, Sở Nội vụ tỉnh Thái Bình báo cáo kết quả công tác Quý III, nhiệm vụ trọng tâm Quý IV năm 2022, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC

Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác CCHC trên địa bàn tỉnh, trong đó có một số văn bản quan trọng như: Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 về việc giao chỉ tiêu tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến và tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và tỷ lệ ký số văn bản điện tử trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2022; Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 phê duyệt Quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình; Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 phê duyệt Quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn theo hình thức trực tuyến mức độ 3 trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Ngoài các văn bản nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính, văn bản chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm triển khai có hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đã cụ thể hóa và triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Công tác xác định chỉ số CCHC các cấp tiếp tục được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện tốt. Đối với chỉ số CCHC của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Căn cứ Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Quyết định số 3486/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch CCHC tỉnh Thái Bình giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án “Xác

định chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”, UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 về việc ban hành Đề án xác định chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình (thay thế Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 về phê duyệt Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố) để phù hợp với các quy định mới của Trung ương và của tỉnh nhằm tiếp tục phát huy những hiệu quả trong triển khai đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC, kịp thời đáp ứng nhu cầu thực tiễn đặt ra đối với công tác CCHC trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới. Kết quả: Đối với các sở, ban, ngành: Chỉ số CCHC trung bình của 17 sở, ban, ngành là: 86,21 điểm (đạt 86,21% điểm tối đa), giảm 0,6 điểm so với năm 2020 (năm 2020 là 86,81/100 điểm); Có 04 đơn vị xếp loại Tốt; 13 đơn vị xếp loại Khá. Đối với các huyện, thành phố: Chỉ số CCHC trung bình của 08 huyện, thành phố là: 77,01 điểm (đạt 77,01% điểm tối đa), giảm 7,64 điểm so với năm 2020 (năm 2020 là 84,65 điểm); Có 04 đơn vị xếp loại Khá, 04 đơn vị xếp loại Trung bình.

- Về tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2022: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 31/12/2021 về CCHC năm 2022 gồm 21 nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có 44 nhiệm vụ cụ thể giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động triển khai và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch. Đến thời điểm báo cáo có 18/21 nhiệm vụ đã hoàn thành, đạt tỷ lệ 85,71%. Các nhiệm vụ còn lại cơ bản đang thực hiện và thực hiện thường xuyên. Các nhiệm vụ đều được thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ đề ra.

- Công tác kiểm tra CCHC: Trong kỳ báo cáo, Sở Nội vụ phối hợp Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp và các Phòng chuyên môn có liên quan của Sở thực hiện kiểm tra công tác CCHC năm 2022 đối với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công thương, UBND huyện Tiền Hải, UBND huyện Vũ Thư và các xã, thị trấn trên địa bàn 2 huyện này.

- Công tác tuyên truyền CCHC: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 07/02/2022 về Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Thái Bình năm 2022; Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 về việc ban hành Kế hoạch công tác kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Thái Bình năm 2022. Trên cơ sở Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đã xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình địa phương, đơn vị và triển khai thực hiện đến người dân và doanh nghiệp. Tuyên truyền kịp thời, sâu rộng các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương, địa phương về công tác cải cách hành chính, công tác kiểm soát TTHC nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về ý nghĩa, mục tiêu và tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính, công tác kiểm soát

TTHC. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham gia vào quá trình giải quyết TTHC, góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tính chuyên nghiệp trong quá trình giải quyết công việc có liên quan đến thủ tục hành chính phục vụ tổ chức, công dân; Bảo đảm công khai, minh bạch các thông tin về TTHC nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, thực hiện; Báo Thái Bình thường xuyên đưa tin về công tác CCHC, Đài phát thanh và Truyền hình Thái Bình đưa tin về công tác CCHC của toàn tỉnh, các thông tin về hoạt động CCHC cũng luôn được cập nhật thường xuyên trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: Trong kỳ báo cáo, có 36 nhiệm vụ Chính phủ giao trên hệ thống theo dõi đang được thực hiện. Trong đó, 23 nhiệm vụ đã hoàn thành, 13 nhiệm vụ đang thực hiện và trong hạn.

(Biểu mẫu 01 kèm theo).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

1.1. Công tác tham gia góp ý, thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

* Công tác xây dựng, thẩm định, tham gia ý kiến dự thảo văn bản

Công tác thể chế tiếp tục được tăng cường, giúp HĐND, UBND tỉnh trong cụ thể hóa quy định của Trung ương giao trong phạm vi địa phương thông qua công tác thẩm định, tham gia ý kiến đối với các dự thảo văn bản QPPL.

Tiếp tục phối hợp với các sở, ban, ngành tổ chức triển khai và thực hiện tốt Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật ban hành văn bản QPPL năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 26/07/2021 về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Sở Tư pháp đã thực hiện tham gia ý kiến đối với hơn 60 dự thảo văn bản; Thực hiện thẩm định đối với dự thảo 15 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh, là cơ sở để HĐND, UBND tỉnh xem xét, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật, góp phần tạo hành lang pháp lý trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

* Công tác kiểm tra, rà soát và văn bản quy phạm pháp luật

Với vai trò là cơ quan đầu mối, Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ban, ngành giúp UBND tỉnh tự kiểm tra 8 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, qua kiểm tra nhận thấy về cơ bản văn bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

Thực hiện theo kế hoạch được giao và trên cơ sở tổng hợp kết quả rà soát của các sở, ban, ngành, Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 01/07/2022 bãi bỏ toàn bộ 21 quyết định, 02 chỉ thị; tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 bãi bỏ toàn bộ 09 nghị quyết của HĐND tỉnh;

* Công tác pháp chế và hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp:

Sở Tư pháp tiếp tục triển khai thực hiện các công việc đã được đề ra theo Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 28/09/2021 phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025.

Ngoài ra, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 02/08/2022 thực hiện công tác pháp chế trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Thường xuyên thực hiện đăng tải và cập nhật tin bài, phản ánh các tin tức sự kiện, giới thiệu văn bản chính sách mới, cung cấp thông tin pháp luật trong nước và nước ngoài, các chính sách của ngành, lĩnh vực, địa phương, nghiên cứu trao đổi, hỏi đáp pháp luật để các doanh nghiệp, người dân thuận tiện trong tra cứu, hỏi đáp và thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khác.

Sở Tư pháp thực hiện cập nhật 16 văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành lên trang cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật của Bộ Tư pháp để công dân thuận tiện trong quá trình tra cứu.

1.2. Công tác theo dõi thi hành pháp luật:

Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Sở Tư pháp ban hành Công văn số 102/STP-VBQPPL&TDTHPL ngày 14/02/2022 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 76/QĐ-TTG ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022. Công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh được tổ chức thực hiện theo đúng Kế hoạch ban hành. Ngoài công tác tham gia ý kiến các dự thảo văn bản được gửi đến, Sở Tư pháp đã tham gia hơn 20 cuộc họp do các sở, ngành tổ chức.

1.3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL):

Để triển khai hoạt động PBGDPL trên địa bàn toàn tỉnh thống nhất, có hiệu quả, đúng trọng tâm trọng điểm, UBND tỉnh, Hội đồng PBGDPL tỉnh ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác PBGDPL năm 2022, đồng thời giao Sở Tư pháp trực tiếp ban hành các văn bản hướng dẫn nhằm triển khai các chương trình, kế hoạch của Bộ Tư pháp và UBND tỉnh trong năm 2022. Trong Quý III/2022, Sở Tư pháp tham mưu Hội đồng Phối hợp, phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh ban hành Công văn số 03/HĐPH ngày 25/07/2022 về việc phổ biến các Luật

mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 3; Công văn số 574/STP-PBGDPL báo cáo Bộ Tư pháp về một số khó khăn, vướng mắc trong công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Bình và Tổ chức các hội nghị tuyên truyền pháp luật về Luật Hòa giải ở cơ sở, Chế định thừa kế và Luật Phòng, chống tham nhũng tại: Thị trấn Đông Hưng, xã Đô Lương, Đông Động, Đông Hoàng, Nguyễn Xá, Đông Á (huyện Đông Hưng); xã Vũ Công, Bình Minh, Vũ Bình, Vũ Trung (huyện Kiến Xương).

Trong kỳ báo cáo, Sở Tư pháp đã tổ chức 01 Hội nghị tập huấn công tác hành chính năm 2022 cho cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ tiếp nhận hồ sơ TTHC của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh về công tác số hóa hồ sơ và giải quyết TTHC. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình phát sóng các chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Tiếp tục duy trì chuyên mục “Văn bản pháp luật mới”, “Hộp thư truyền hình” vào 5h55 phút sáng. Trong đó đặc biệt chú trọng vào việc giới thiệu các văn bản pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống xã hội và được người dân chú ý, quan tâm như: Hiến pháp, Bộ Luật Hình sự, Bộ luật Dân sự năm, Luật Hộ tịch, Luật Công chứng, Luật Đấu giá tài sản, Luật An ninh mạng, Luật Tố cáo, Luật Khiếu nại, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Bảo hiểm, Luật Hôn nhân và gia đình. Hằng tháng đều biên soạn và cung cấp tài liệu truyền pháp luật cho hệ thống loa truyền thanh của 286 xã, phường, thị trấn. Phối hợp với Báo Thái Bình xây dựng chuyên trang “Phổ biến pháp luật và Trợ giúp pháp lý” tuyên truyền các văn bản quan trọng và văn bản pháp luật mới có hiệu lực trong năm 2021, 2022, viết tin, bài tuyên truyền, giới thiệu các văn bản pháp luật mới trên Báo Pháp luật Việt Nam, Báo Thái Bình, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh và của ngành.

(Biểu mẫu 02 kèm theo).

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a. Về công bố, công khai TTHC

Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quyết định công bố thủ tục hành chính với tổng số 8 thủ tục hành chính; trong đó có 7 thủ tục hành chính mới ban hành, 01 thủ tục hành chính bị thay thế, bãi bỏ trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh.

Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương là 1.767, trong đó: Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc): 1412; Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc): 234; Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc): 121.

(Biểu mẫu 03 kèm theo).

Ngày 14/6/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Danh mục 1.344 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện tại tỉnh Thái Bình, gồm: 1.074 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; 187 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,

mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện và 83 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã. Đồng thời giao các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân huyện, thành phố rà soát, xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong xử lý hồ sơ dịch vụ công trực tuyến theo ngành, lĩnh vực quản lý, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện rà soát, kiểm thử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, thường xuyên rà soát, điều chỉnh danh mục dịch vụ công trực tuyến gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC

Ngày 10/01/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 33/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 tại tỉnh Thái Bình. Nội dung Kế hoạch xác định nhiệm vụ rà soát, đánh giá thủ tục hành chính là việc làm thường xuyên, liên tục của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh. Bên cạnh nhiệm vụ Chính phủ, Văn phòng Chính phủ giao, tỉnh tập trung đơn giản hóa thủ tục hành chính có tần suất thực hiện nhiều, tác động trực tiếp vào người dân và doanh nghiệp. Trong kỳ báo cáo, có 98 TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa.

Bên cạnh việc rà soát thủ tục hành chính theo kế hoạch, trong quá trình rà soát, công bố danh mục thủ tục hành chính áp dụng, thực hiện tại tỉnh, tỉnh Thái Bình chủ động cắt giảm tối thiểu 40% thời hạn giải quyết của các TTHC, tạo điều kiện tối đa cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

c. Về triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 về việc Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và triển khai thực hiện đồng bộ đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị chủ trì hoặc phối hợp thực hiện nhiệm vụ, thời gian hoàn thành và sản phẩm hoàn thành. Bên cạnh đó, việc giải quyết TTHC theo phương án “5 tại chỗ” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện đạt hiệu quả cao. Các TTHC được xây dựng quy trình giải quyết chi tiết từ khâu tiếp nhận, thẩm định đến phê duyệt, đóng dấu, trả kết quả; đồng thời cắt giảm thời hạn giải quyết của tất cả TTHC, đạt tỷ lệ 40,87% so với quy định của Trung ương.

Tại thời điểm báo cáo, tỉnh có 324 TTHC liên thông cùng cấp; 209 TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền.

d. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC

(Có Biểu mẫu 03 kèm theo)

e. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC

Số điện thoại, địa chỉ Email tiếp nhận phản ánh kiến nghị về quy định hành chính được niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã niêm yết số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận tất cả các phản ánh, kiến nghị về các mặt trong đời sống xã hội tại tỉnh và tổ chức xử lý triệt để các phản ánh kiến nghị đó tạo được sự đồng thuận của nhân dân trong tỉnh.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

9 tháng đầu năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức 10 tổ chức hành chính và 18 đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương; Ban quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Văn phòng phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chi cục Văn Thư – Lưu trữ; Ban Tôn giáo; Ban Thi đua khen thưởng; Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình; Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm; Trung tâm Ứng dụng, Thông tin khoa học công nghệ và Đo lường thử nghiệm; Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ đầu tư và Dịch vụ khu công nghiệp; Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Thái Bình; Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thái Bình; Thư viện tỉnh; Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện Hưng Hà; Trung tâm Phát triển quỹ đất và Phát triển cụm công nghiệp huyện, thành phố và 12 đơn vị trực thuộc Sở Y tế (Bệnh viện Y học cổ truyền; Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà; Bệnh viện Đa khoa huyện Thái Thụy; Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư; Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Phụ; Bệnh viện Đa khoa Phụ Dực; Bệnh viện mắt; Bệnh viện Phục hồi chức năng; Bệnh viện Đa khoa thành phố; Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng; Bệnh viện Đa khoa Hưng Nhân; Bệnh viện Đa khoa Kiến Xương);

3.2. Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 09 Quyết định sáp nhập (Sáp nhập Trung tâm phát triển quỹ đất và Trung tâm phát triển CNN huyện, thành phố thành Trung tâm phát triển quỹ đất và CNN huyện, thành phố; Sáp nhập Ban Quản lý Lăng Nguyễn Đức Cảnh vào Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Thái Thụy); Quyết định thành lập Trung tâm Hỗ trợ, xúc tiến đầu tư và phát triển tỉnh Thái Bình trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định thành lập Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Thanh Thảo. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng trường Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình, nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Thái Bình nhiệm kỳ 2022-2027; Thâm định Đề án thành lập Ban Quản lý

và Bảo trì đường bộ Thái Bình trực thuộc Sở Giao thông Vận tải; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tham mưu, đề xuất cơ cấu tổ chức của Sở Y tế.

3.3. Về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Công tác quản lý và sử dụng biên chế công chức được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc bố trí sử dụng biên chế công chức theo đúng vị trí việc làm, bảo đảm hiệu quả, đúng mục đích và theo đúng quy định của pháp luật. Công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch biên chế của các cơ quan đơn vị và việc bố trí, sử dụng công chức được thực hiện nghiêm túc nên việc giao biên chế công chức sát với nhiệm vụ thực tế và yêu cầu quản lý của các cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, tổ chức sử dụng công chức không vượt quá số biên chế được giao. - Thông báo giao biên chế công chức và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh năm 2022; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và định suất hợp đồng lao động để hỗ trợ kinh phí hoạt động năm 2022.

Trong kỳ báo cáo, Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp năm 2023 của tỉnh Thái Bình; Quyết định phê duyệt Danh sách đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế (Đợt II năm 2022); Thông báo danh sách tinh giản biên chế đợt II năm 2022, báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt 2 năm 2021 và đợt 1 năm 2022.

- Về công tác Hội, quỹ: Trong kỳ báo cáo, Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Điều lệ Quỹ Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh; Điều lệ Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia huyện Quỳnh Phụ; Điều lệ Hội Chiến sỹ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 huyện Hưng Hà; Điều lệ Hội Việt Nam – Lào Vũ Thư; Điều lệ Hội Mô tô Thái Bình; Điều lệ Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia huyện Kiến Xương, Điều lệ Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia thành phố Thái Bình; Báo cáo Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giới thiệu nhân sự để bầu bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh nhiệm kỳ 2018-2023. Báo cáo Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về nhân sự tham gia Hội đồng quản lý Quỹ Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh; Trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận Hội đồng Quản lý quỹ Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh; Quy định điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình giới thiệu nhân sự bầu chức danh Hội đặc thù thuộc diện Ban Cán sự đảng quản lý

Thành lập Hội Bảo vệ thiên nhiên và Môi trường Thái Bình; Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia huyện Hưng Hà; Hội Mô tô Thái Bình; Hội Hữu nghị Việt Nam – Campuchia huyện Đông Hưng; Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia huyện Tiền Hải; Hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia huyện Vũ Thư, Hội Chiến sỹ Thành cổ Quảng Trị năm 1972 huyện Kiến Xương; Giải thể Hội Giáo dục chăm sóc sức khỏe cộng đồng tỉnh Thái Bình.

Tổ chức Đại hội Hiệp hội Gia cầm và Trang trại nông nghiệp Thái Bình, nhiệm kỳ 2022-2027; tổ chức Đại hội thi đua Tỏa sáng Trường Sơn của Hội Truyền thống Trường Sơn đường Hồ Chí Minh tỉnh; tổ chức Đại hội Hội người mù huyện Tiên Hải nhiệm kỳ 2022-2027; tổ chức Đại hội Hội người mù huyện Hưng Hà nhiệm kỳ 2022-2027; tổ chức Đại hội Hội người mù thành phố Thái Bình nhiệm kỳ 2022-2027.

Trong kỳ báo cáo, tỉnh đón đoàn công tác của Bộ Nội vụ kiểm tra tình hình tổ chức hoạt động của Hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện trên địa bàn tỉnh. Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 28/8/2012 của Bộ chính trị (khóa XI) “Về tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các hội quần chúng”.

3.4. Về kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương

Các cơ quan, đơn vị của tỉnh Thái Bình đã nghiêm túc thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước và Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực. Trên cơ sở nội dung phân cấp quản lý của Chính phủ, các bộ, ngành và tình hình thực tế ở địa phương, tỉnh tiếp tục phân cấp cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố một số nhiệm vụ để tăng tính chủ động, tính tự chủ của các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh đã tích cực, chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Văn bản thực hiện phân cấp trong lĩnh vực quản lý theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ; hướng dẫn các huyện, thành phố thực hiện đúng các quy định về phân cấp thuộc lĩnh vực quản lý trên địa bàn tỉnh. Các nhiệm vụ về phân cấp quản lý của Chính phủ cơ bản phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương, đã tăng sự chủ động, năng động và trách nhiệm của các cấp quản lý, qua thực tiễn đã chứng minh tính đúng đắn và hiệu quả của các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức:

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 1619/UBND-NCKS ngày 18/5/2022 về việc xây dựng Đề án vị trí việc làm theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc và hạng viên chức tối thiểu của Trung tâm Ứng dụng, Thông tin Khoa học công nghệ và Đo lường thử nghiệm trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Trung

tâm Tư vấn, hỗ trợ đầu tư và Dịch vụ khu công nghiệp trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh; Trung tâm Phát triển quỹ đất và Kỹ thuật tài nguyên trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trường Cao đẳng nghề Thái Bình; Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình; Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thái Bình; Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình; Thư viện tỉnh; Bệnh viện Nhi Thái Bình.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và Khung năng lực của từng vị trí việc làm 06 huyện (Kiến Xương, Tiền Hải, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, Đông Hưng, Hưng Hà, Quỳnh Phụ) và 10 Sở, ngành (Nội vụ; Thông tin và Truyền thông; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân; Xây dựng; Tài chính; Giao thông vận tải; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tư pháp; Khoa học và công nghệ; Giáo dục và Đào tạo).

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức:

Trong kỳ báo cáo, số công chức được tuyển dụng thông qua thi tuyển, xét tuyển là 07 người; Số viên chức được tuyển dụng thông qua hình thức xét tuyển, trong trường hợp đặc biệt: 112 người (xét tuyển đặc cách giáo viên hợp đồng trước ngày 31/12/2015);

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương: Trong kỳ báo cáo, tỉnh Thái Bình có 14 cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (kể cả công chức cấp xã).

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Ủy ban nhân dân tỉnh ban Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 25/02/2022 về đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Bình nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và phương pháp thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức và hoạt động nghề nghiệp của viên chức, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức, có bản lĩnh chính trị và năng lực trong thực thi công vụ đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, xây dựng sự nghiệp chính trị và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Trong quý III năm 2022, đã mở được 11 lớp với 630 học viên, bao gồm các đối tượng: lãnh đạo cấp sở, cấp phòng, cấp huyện và tương đương; công chức viên chức trong toàn tỉnh.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính- ngân sách tại địa phương

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 3204/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2022; chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện nghiêm túc quy định của Nhà nước về công tác lập và phân bổ dự toán ngân sách theo quy định về cải cách tài chính công. Thực hiện các quy định về công tác quản lý tài chính công, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao

quyền tự chủ cho các đơn vị trong dự toán thu, chi ngân sách tạo hành lang pháp lý để đơn vị thực hiện tự chủ trong sử dụng nguồn kinh phí ngân sách để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Các đơn vị trên địa bàn tỉnh đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công; công khai đến cán bộ, công chức và người lao động biết để giám sát và thực hiện, thường xuyên sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Việc quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của các cơ quan được công khai, minh bạch theo đúng chế độ nhà nước quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của các cơ quan; việc sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, góp phần tăng cường công tác quản lý trong nội bộ đơn vị, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động sự nghiệp, khai thác nguồn thu, tiết kiệm chi, tăng thu nhập cho người lao động. Cụ thể:

a) Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước

Tiền độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Quý III/2022, ước thực hiện là 3.622,7 tỷ đồng, trong đó:

- Thu nội địa: Quý III ước thực hiện là 2.716,7 tỷ đồng, gồm có (Thu từ doanh nghiệp nhà nước là 121,4 tỷ đồng; Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài là 21,3 tỷ đồng; Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh là 472,2 tỷ đồng; Thuế thu nhập cá nhân là 65,3 tỷ đồng; Thuế bảo vệ môi trường là 673,5 tỷ đồng; Thu phí, lệ phí là 19,6 tỷ đồng; Lệ phí trước bạ là 88,1 tỷ đồng; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là 8,6 tỷ đồng; Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước là 169,9 tỷ đồng; Tiền sử dụng đất là 948,6 tỷ đồng; Thu xổ số kiến thiết là 20,1 tỷ đồng; Thu cấp quyền khai thác khoáng sản là 02 tỷ đồng; Thu khác ngân sách là 73 tỷ đồng; Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác là 20,7 tỷ đồng).

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Quý III ước thực hiện là 892,6 tỷ đồng.

b) Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công

Trong quý III/2022, Sở Tài chính đã thực hiện việc tổng hợp, báo cáo giải ngân vốn đầu tư công đối với các dự án cấp tỉnh quản lý như sau: Kế hoạch vốn đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt là 242.056 triệu đồng, số đã thực hiện giải ngân theo quy định của Bộ Tài chính là 233.042 triệu đồng, đạt tỷ lệ 96%.

c) Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách:

** Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách:*

- Giai đoạn từ năm 2010 đến 2022, Kiểm toán nhà nước kết luận, kiến nghị nội dung thuộc trách nhiệm Sở Tài chính phải tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện là 486.727 triệu đồng, trong đó: Thu nộp ngân sách nhà nước là 0 đồng; Thu hồi kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi tại các huyện là 338 triệu đồng; Thu hồi kinh phí hết nhiệm vụ chi còn dư tại ngân sách cấp tỉnh chưa nộp trả NSTW: 213.097 triệu đồng; Các khoản xử lý tài chính khác là 273.292 triệu đồng;

- Số đã thực hiện 13/9/2022 là 460.280 triệu đồng, đạt tỷ lệ 95%, trong đó:

Thu hồi kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi tại các huyện là 338 triệu đồng; Thu hồi kinh phí hết nhiệm vụ chi còn dư tại ngân sách cấp tỉnh chưa nộp trả NSTW: 193.048 triệu đồng; Các khoản xử lý tài chính khác là 266.894 triệu đồng.

- Số tiếp tục thực hiện là 26.447 triệu đồng, cụ thể như sau:

+ Hoàn trả Quỹ dự trữ tài chính: 1.881 triệu đồng;

+ Hoàn trả vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho NSTW đối với khoản chi đã hết thời hạn giải ngân: 4.517 triệu đồng;

+ Thu hồi kinh phí thừa: 20.049 triệu đồng.

** Nguyên nhân các nội dung chưa thực hiện:*

- Hoàn trả Quỹ dự trữ tài chính 1.881 triệu đồng: Thời gian của các doanh nghiệp vay từ Quỹ dự trữ tài chính từ những năm 1989- 1995; Sở Tài chính đã thực hiện thanh tra các doanh nghiệp còn nợ Quỹ dự trữ tài chính chưa hoàn trả để thu hồi về Quỹ, đã có Kết luận thanh tra và Thông báo nộp tiền về Quỹ cho từng doanh nghiệp. Sở Tài chính đang đôn đốc các doanh nghiệp nộp số tiền còn lại vào Quỹ (gồm: Chi cục bảo vệ thực vật: 881 triệu đồng (vay năm 1988); Công ty cơ khí Thái Bình: 1.000 triệu đồng (vay năm 1996).

- Năm 2015: Hoàn trả vốn đầu tư XDCB cho NSTW đối với khoản chi XDCB hết hạn giải ngân: 4.517.200.000 đồng: Đến nay, Bộ Tài chính chưa có văn bản yêu cầu hoàn trả ngân sách trung ương đối với nguồn vốn trên. Khi có văn bản của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính sẽ giám nguồn kinh phí cấp về cho tỉnh tương ứng với số tiền trên.

- Năm 2020: Thu hồi kinh phí thừa: 20.049 triệu đồng, trong đó: chi thường xuyên: 194.864 triệu đồng, chi đầu tư: 18.234 triệu đồng. Đến nay, Bộ Tài chính chưa có văn bản yêu cầu hoàn trả ngân sách trung ương đối với nguồn vốn trên. Khi có văn bản của Bộ Tài chính, Sở Tài chính sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn trả ngân sách trung ương.

** Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra nhà nước về tài chính, ngân sách*

Thực hiện Quyết định số 162/QĐ-STC ngày 13/12/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2022. Trong quý III/2022, Sở Tài chính đã tổ chức thực hiện thanh tra theo Kế hoạch và đã ban hành kết luận: 04 cuộc;

- Tổng số tiền kiến nghị xử lý về tài chính là 25.254 triệu đồng, trong đó kiến nghị thu hồi về NSNN là 1.404 triệu đồng, xử lý về kinh tế 23.850 triệu đồng gồm giảm trừ thanh toán công trình XDCB 235 triệu đồng, xử lý khác 23.615 triệu đồng;

- Số tiền đã thu hồi về NSNN tại thời điểm báo cáo là :1.191.579.919 đồng.

d) Kết quả thực hiện quy định về quản lý tài sản công

Thực hiện quy định về quản lý tài sản công, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 3033/UBND-KT ngày 23/8/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị định số

43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính Phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; Triển khai chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Văn bản số 8615/BTC-QLCS ngày 29/8/2022 về việc báo cáo tình hình quản lý tài khoản tạm giữ quản lý tiền thu được từ xử lý tài sản công; Văn bản số 2244/UBND-KT ngày 28/6/2022 về việc thực hiện báo cáo kê khai, lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất; Văn bản số 2975/UBND-KT ngày 18/8/2022 chỉ đạo tăng cường công tác sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 về việc ban hành Quyết định bổ sung Danh mục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã được ban hành kèm theo Quyết định số 2235/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của Sở Nội vụ và đơn vị trực thuộc; Sở Tài chính; Sở Công thương và đơn vị trực thuộc (*Văn bản số 2477/UBND-KT ngày 14/7/2022*); phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội và các đơn vị trực thuộc.

- Kiểm tra hiện trạng cơ sở nhà đất của các đơn vị: Sở Nông nghiệp và PTNT; Văn phòng UBND tỉnh; Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp; Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông; Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp & PTNT; Trường Chính trị tỉnh; Ban quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp; Công ty môi trường đô thị. Trong kỳ báo cáo, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh điều chuyển nguyên trạng 01 cơ sở nhà đất là trụ sở làm việc cũ của Kho bạc nhà nước tỉnh Thái Bình tại số 136 Lê Lợi, phường Đề Thám, Thành phố Thái Bình từ Trung tâm phát triển quỹ đất và kỹ thuật tài nguyên thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường sang Báo Thái Bình để quản lý, sử dụng; thanh lý: 01 cơ sở nhà, đất (Dãy nhà 2 tầng trường THCS Hòa Bình, huyện Vũ Thư); phần mềm nâng cấp mạng văn phòng của Sở Thông tin và Truyền thông; thanh lý 1 xe ô tô của Văn phòng HĐND và UBND huyện Tiên Hải.

e) Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Sở Tài chính đã có Văn bản số 2130/STC-TCHCSN ngày 07/9/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập gửi các sở ban ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Văn bản số 1199/UBND-KT ngày 15/4/2022 chỉ đạo về việc thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Sở Tài chính đã tham gia ý kiến với các sở ban ngành về phương án tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập. Thời điểm hiện tại, có 105 đơn vị sự nghiệp công lập khôi tỉnh, trong đó, có 76 đơn vị đã xây dựng phương án tự chủ gửi Sở Tài chính và đã được Sở Tài chính tham gia ý kiến là 57 đơn vị; có 22 đơn vị đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (*Chi tiết tại Biểu 06 kèm theo*).

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Thực hiện có hiệu quả Đề án Chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Thái Bình; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết, Đề án về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình đến năm 2025; Kế hoạch triển khai chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình” Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng đến năm 2025”; kiện toàn Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Thái Bình. Triển khai giải pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin của các hệ thống có xử lý thông tin cá nhân trên địa bàn tỉnh; rà soát lỗ hổng Log4shell. Đánh giá mức độ sẵn sàng bảo đảm an toàn thông tin năm 2022 tỉnh Thái Bình; mở rộng hệ thống giám sát, điều hành giao thông và an ninh, trật tự công cộng, tiếp tục triển khai Camera giám sát giao thông trên tuyến QL10 và QL39.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Duy trì thực hiện tốt việc quản lý văn bản, điều hành và trao đổi công việc qua Mạng văn phòng điện tử liên thông của tỉnh; Triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Thái Bình, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức Chương trình bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho khoảng 6.500 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh. Tổ chức hội nghị tập huấn hướng dẫn quy trình tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Thẩm định 06 đề cương dự toán nhiệm vụ lĩnh vực công nghệ thông tin. Tiếp tục triển khai các gói thầu thuộc dự án mở rộng hệ thống Camera giám sát giao thông trên tuyến quốc lộ 10 và quốc lộ 39, dự án Đầu tư xây dựng, hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình.

Chỉ đạo các doanh nghiệp tuân thủ Quy chuẩn 33: 2019/BTTTT về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông, đặc biệt là tủ hộp cáp viễn thông, việc phát triển hạ tầng BTS, phối hợp hạ ngầm cáp viễn thông theo kế hoạch cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trên địa bàn Thành phố; điều chỉnh kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của Viễn thông Thái Bình, yêu cầu Viễn thông Thái Bình, Viettel Thái Bình xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp 2. Sở Thông tin - Truyền thông phối hợp khảo sát thực tế hệ thống truyền thanh cơ sở, xử lý nhiễu tần số

Triển khai các nhiệm vụ, dự án về công nghệ thông tin theo đúng kế hoạch. Xây dựng báo cáo kết quả khảo sát, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: “Xây dựng cơ sở hạ tầng trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh và xây dựng phần mềm nền tảng đô thị thông minh (SCP) tỉnh Thái Bình”. Trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án Đầu tư xây dựng, hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử của tỉnh Thái Bình.

Sử dụng và khai thác có hiệu quả hệ thống phần mềm hành chính công điện tử dùng chung được triển khai đồng nhất từ cấp tỉnh đến cấp huyện để thực hiện việc ban hành TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. Sử dụng dịch vụ công trực tuyến để triển khai từ tỉnh đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nhằm thực hiện tiếp nhận hồ sơ, thủ tục trực tuyến.

Tiếp tục duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 nhằm đáp ứng mục tiêu chất lượng đề ra. Trong kỳ báo cáo, toàn tỉnh có 35 xã xây dựng, áp dụng mới hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 về việc phê duyệt dự toán kinh phí triển khai việc xây dựng, áp dụng ISO hành chính cho UBND các xã. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, đơn vị mang lại hiệu quả cao trong hoạt động hành chính.

II. Nhận xét, đánh giá

1. Ưu điểm

- Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục chỉ đạo việc triển khai thực hiện công tác CCHC, đến nay tất cả các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đã ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện công tác CCHC năm 2022. Công tác chỉ đạo, điều hành, thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng kịp thời, đa dạng và đúng trọng tâm, trọng điểm. Các cơ quan báo chí hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, nội dung tuyên truyền phản ánh khá đầy đủ kịp thời mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội, tăng cường đưa chủ trương, đường lối, chính sách đến mọi người dân. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trong tỉnh được đẩy mạnh. 100% cơ quan hành chính nhà nước đã sử dụng Mạng văn phòng điện tử liên thông trong công việc.

- Công tác cải cách thể chế tiếp tục được tăng cường, giúp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa quy định của Trung ương giao trong phạm vi địa phương thông qua công tác thẩm định, tham gia ý kiến đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật được chú trọng về chất lượng, tính hiệu lực và tính hiệu quả.

- Việc rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương được triển khai đồng bộ, đúng kế hoạch; Việc chuyển đổi cơ chế hoạt động đối với các đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế tự chủ về tài chính được triển khai nghiêm túc theo tiến độ đề ra. Công tác quản lý và sử dụng biên chế công chức của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền được thực hiện nghiêm túc giúp tăng tính chủ động, tính tự chủ của các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ...

- Việc thực hiện, giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã đã mang lại hiệu quả thiết thực, đáp ứng yêu cầu giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

2. Tồn tại, hạn chế

Trong công tác cải cách tài chính công, việc triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do chưa có thông tư hướng dẫn thực hiện; Một số nội dung về thẩm quyền phê duyệt danh mục dịch vụ sự nghiệp công còn mâu thuẫn với Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích còn hạn chế, hiệu quả thấp.

III. NHIỆM VỤ CCHC QUÝ IV NĂM 2022

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của tỉnh về công tác CCHC năm 2022; Thể chế hoá kịp thời các văn bản chỉ đạo của Trung ương phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng CP giao đảm bảo theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền CCHC trên các phương tiện thông tin đại chúng với các nội dung thực hiện trong Kế hoạch tuyên truyền đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường tuyên truyền tới người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

- Tiếp tục tổ chức triển khai và thực hiện có hiệu quả Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật ban hành văn bản QPPL năm 2020; các Nghị định của Chính phủ: Số 34/2016/QĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL, số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/QĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL; Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thái Bình về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Bình và Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 26/07/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng công tác thẩm định dự thảo văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh, đảm sự phù hợp với đường lối, chủ trương, của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tính hợp hiến, hợp

pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật; tích cực, chủ động tham gia góp ý có chất lượng vào các dự án luật, dự thảo văn bản QPPL và áp dụng pháp luật của Trung ương và địa phương, nhất là các dự thảo văn bản QPPL quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh, thủ tục hành chính, phòng chống dịch Covid-19 hoặc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022 của tỉnh; Thực hiện tốt công tác kiểm tra rà soát văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành; tổ chức rà soát 100% văn bản QPPL theo chuyên đề, lĩnh vực do các bộ, ngành Trung ương chỉ đạo. Phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời các quy định trái với Hiến pháp, pháp luật, các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội; công bố các văn bản QPPL ngưng hiệu lực và hết hiệu lực theo quy định; Cập nhật kịp thời văn bản QPPL của tỉnh ban hành lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật để phục vụ công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, khai thác văn bản QPPL của tổ chức, công dân; Tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; nhất là các văn bản chính sách pháp luật có liên quan đến cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác theo dõi thi hành pháp luật, trong đó tập trung vào những lĩnh vực trọng tâm.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/11/2018 của Chính phủ, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ, Thông tư số 01/2018/TTVPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ và Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh và Bộ phận một cửa các cấp, xây dựng nền hành chính phục vụ, hướng tới sự hài lòng của người dân và tổ chức. Quản lý, theo dõi đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại đây, kịp thời thay thế, xử lý đối với công chức, viên chức có biểu hiện tiêu cực.

- Ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thanh tra tỉnh; các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thẩm định, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Ban Quản lý và Bảo trì đường bộ Thái Bình trực thuộc Sở Giao thông Vận tải; Ban hành Quyết định sửa đổi Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, vị trí việc làm của tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; Thẩm định, phê duyệt Đề án vị trí việc làm theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ đối với 02 huyện (Vũ Thư, Thái Thụy) và 09 Sở, ngành; Thẩm định, phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc và hạng viên chức tối thiểu đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện, thành phố (34 đơn vị); các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, ngành (08 đơn vị) và các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ thuộc ngành Y tế và 08 Trung tâm Y tế huyện, thành phố; Phê duyệt biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023; Dự thảo Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ

cầu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Xây dựng Kế hoạch tinh giản biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh giai đoạn 2022-2026; Phê duyệt Danh sách các đối tượng nghỉ giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ 3 tháng cuối năm 2022.

- Tiếp tục thực hiện kiểm tra công tác CCHC năm 2022 ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh theo kế hoạch đã đề ra.

- Tiếp tục mở các lớp đào tạo bồi dưỡng theo Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 25/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tiếp tục tham mưu các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh, triển khai phòng họp không giấy tờ.

- Xây dựng Kế hoạch CCHC, Kế hoạch tuyên truyền CCHC và các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC năm 2023.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh thực hiện nghiêm quy định tại Quyết định số 3373/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

Trên đây là kết quả công tác cải cách hành chính của tỉnh Thái Bình Quý III và nhiệm vụ trọng tâm Quý IV năm 2022. Sở Nội vụ Thái Bình trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- UBND tỉnh;
- Lưu: VT. CCHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thế Dũng

Phụ lục
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-SNV ngày /9/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Thái Bình)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt</i>)	Văn bản	10	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (<i>Lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	%	85,71	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	21	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	18	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (<i>thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ</i>)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	0	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	16	Số cơ quan đơn vị đã thực hiện

				thanh tra trong 6 tháng đầu năm
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	36	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	23	13 nhiệm vụ còn trong hạn
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	887	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹ do địa phương ban hành	Văn bản	23	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	16	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	7	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	15	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	16	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1,	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	98	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	7	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	1	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1767	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1412	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	234	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	121	
2,	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	324	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	209	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		<i>Đang thực hiện</i>
3,	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	11.994	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	11.994	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,61	

3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	33.791	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	33.661	
3.3.	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn</i>	%	99,99	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	291.211	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	291.195	
3.4.	<i>Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC</i>	%	100	
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>		26	
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>		26	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	8/8	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	0	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	826	
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>9</i>	
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>98</i>	
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>719</i>	
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	<i>%</i>	<i>21,6%</i>	<i>(228/1054)</i>
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1.827	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.759	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10.30%	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	30.742	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	28.534	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	17,63%	(6179/35.034)

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	27/27	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	771	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	3	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	4	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	112	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	8	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	96	
1.1.	Kế hoạch vốn năm 2022 được giao (cấp tỉnh quản lý)	Triệu đồng	242,056	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	233,042	Dự án cấp tỉnh quản lý
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương (Khối tỉnh)	Đơn vị	105	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	1	Trong số 83 đơn vị sự nghiệp công lập (Khối tỉnh) còn lại, đã có 76 đơn vị đã xây dựng phương án; có 57 đơn vị đã có ý kiến của Sở Tài chính và có 22 đơn vị đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án tự chủ
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	2	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	10	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>2</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>4</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>4</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	9	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	1	Hoàn thành kế hoạch năm

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành=1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã</i>		100	Liên thông 2 cấp và 3 cấp đều là 100%
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>)	%	78	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	97	
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	86	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	50	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	

5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	515	
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	515	
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	64	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	825	
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	825	
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	222	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	52	
6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1.340	
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	848	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	64	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	59.950	
6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	14,203	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	101	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	368	
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	368	